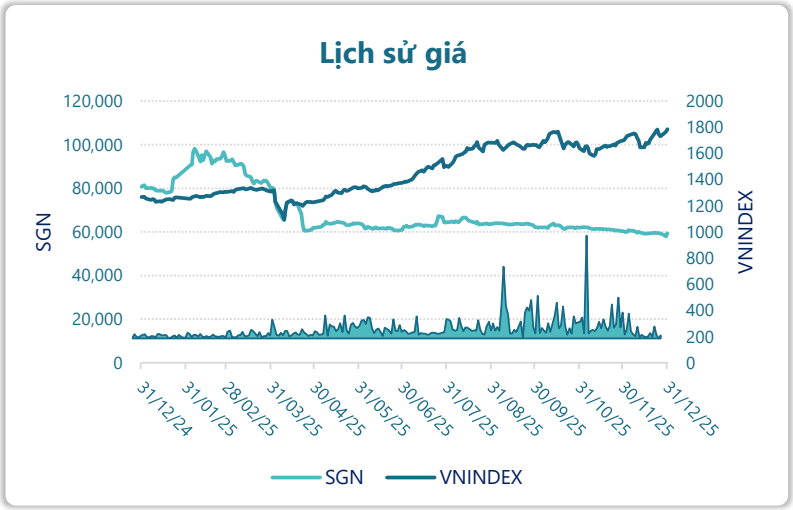
FireAnt

CTCP Phục vụ mặt đất Sài Gòn (HSX: SGN)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**59,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	98,143
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	57,900
SL cổ phiếu LH	33,498,591
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,000
% sở hữu nước ngoài	27.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,986
P/E	9.5
EPS	6,215

DT thuần

Q4/25

356

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.00| 1.4%

YoY: ▼34.0| -8.8%

LN sau thuế

Q4/25

47.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.00| 9.2%

YoY: ▼37.3| -44.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

19.9%

+/- YoY: ▼ 4.5%

DT thuần

2025

1,481

tỷ VNĐ

YoY: ▼37.0| -2.5%

LN sau thuế

2025

232

tỷ VNĐ

YoY: ▼64.0| -21.6%

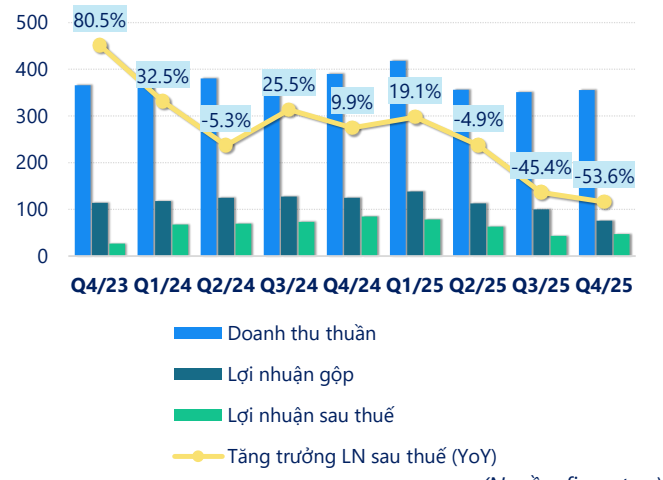
ROE

2025

16.2%

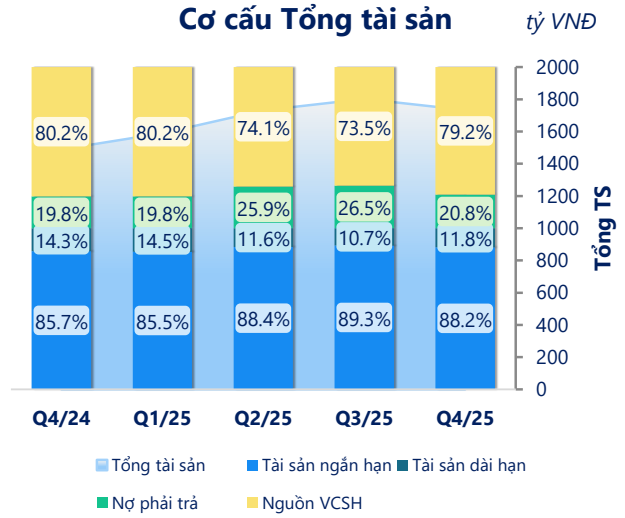
+/- YoY: ▼ 8.3%

Kết quả kinh doanh



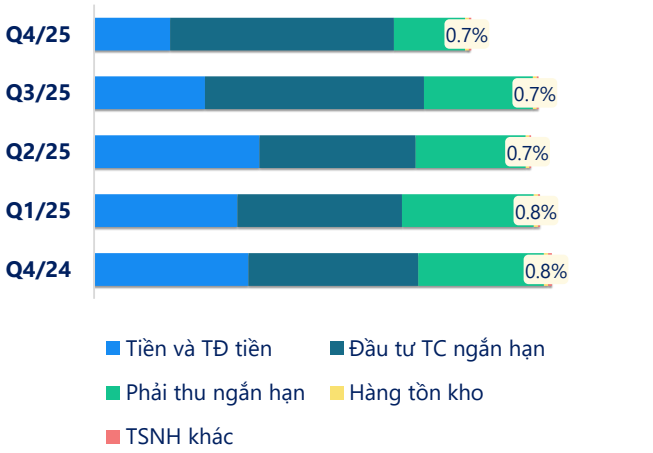
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



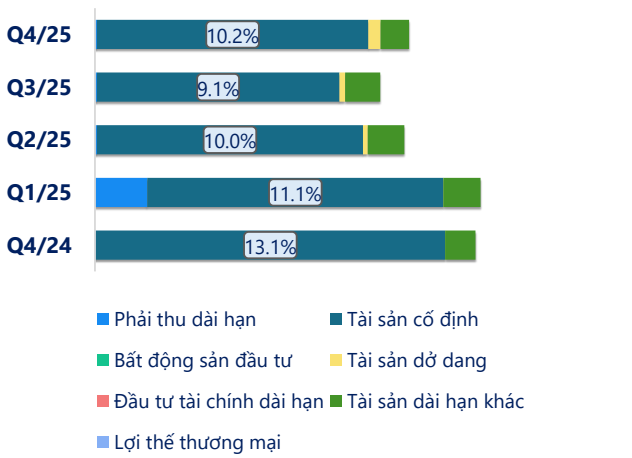
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



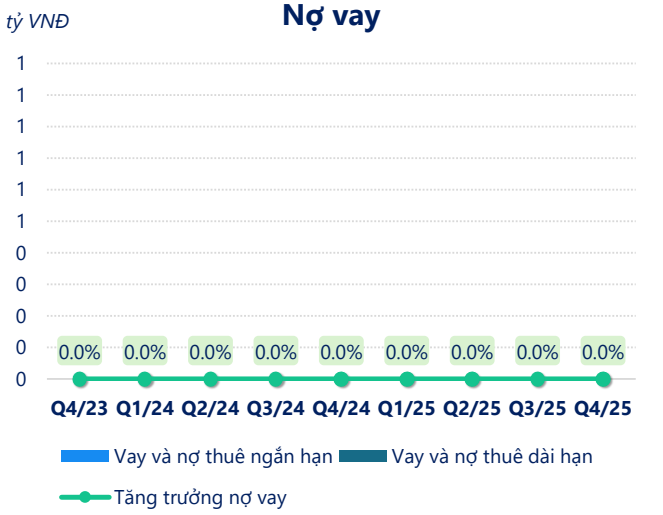
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



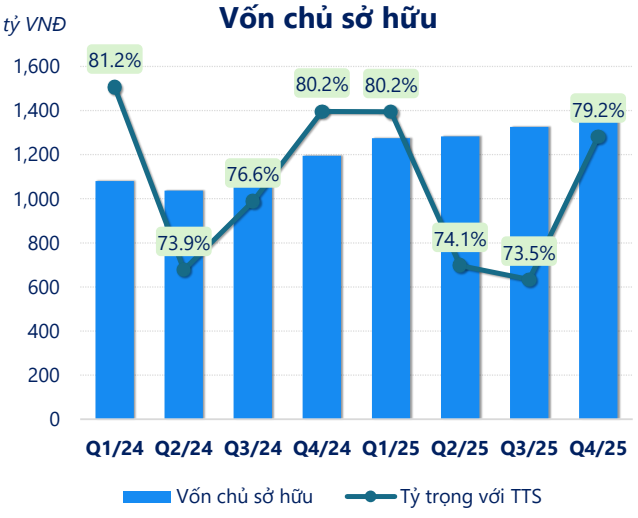
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



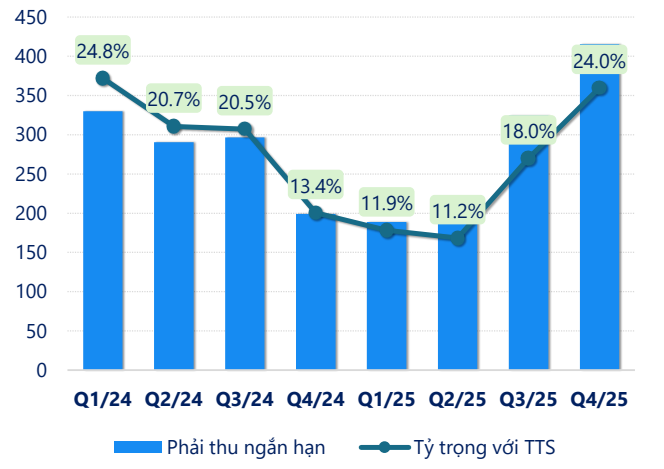
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



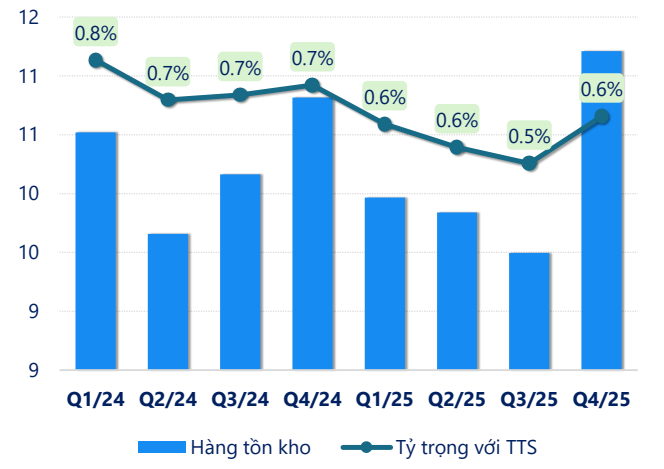
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



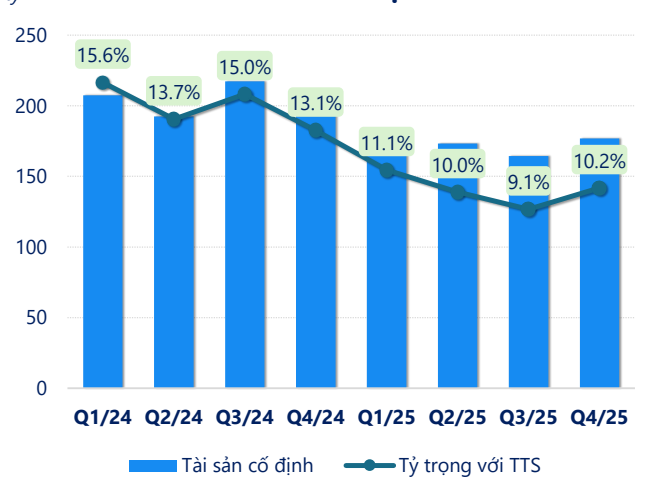
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



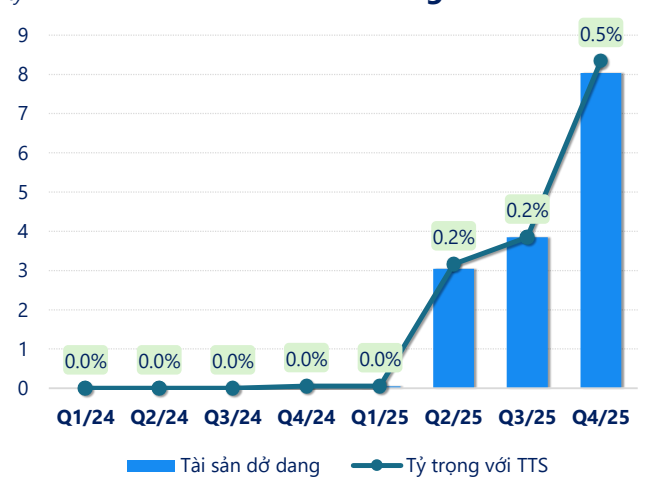
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



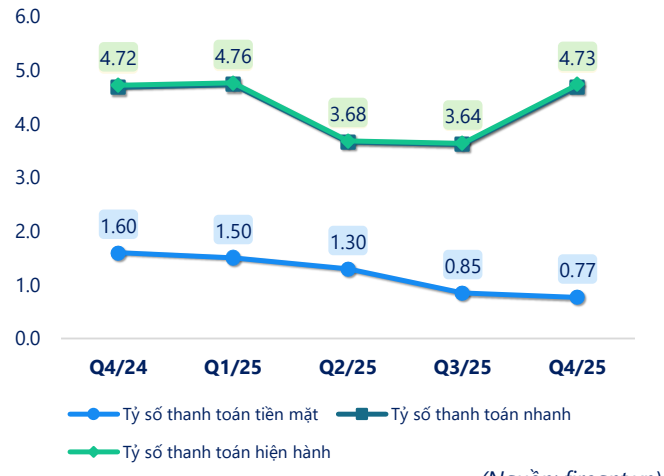
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



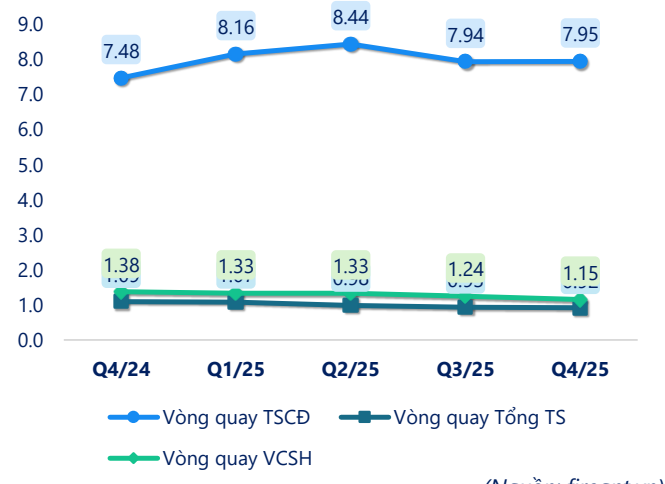
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**1,489**	**1,589**	**1,731**	**1,802**	**1,733**
Tài sản ngắn hạn	**1,276**	**1,359**	**1,530**	**1,609**	**1,528**
Tiền và tương đương tiền	432	428	539	376	247
Đầu tư tài chính ngắn hạn	627	727	777	887	828
Phải thu ngắn hạn	199	189	194	324	416
Hàng tồn kho	10.8	9.97	9.84	9.49	11.2
Tài sản ngắn hạn khác	6.67	4.71	9.90	12.3	25.8
Tài sản dài hạn	**213**	**231**	**201**	**193**	**205**
Phải thu dài hạn	0.37	31.3	1.28	1.28	1.23
Tài sản cố định	196	177	173	164	177
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.05	0.05	3.04	3.85	8.03
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	17.0	22.3	23.9	23.7	18.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**295**	**315**	**449**	**477**	**360**
Nợ ngắn hạn	**270**	**285**	**415**	**443**	**323**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	41.4	29.4	11.5	10.7	32.3
Nợ dài hạn	24.2	29.5	33.2	34.2	36.8
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,195**	**1,275**	**1,283**	**1,326**	**1,373**
Vốn chủ sở hữu	**1,195**	**1,275**	**1,283**	**1,326**	**1,373**
Vốn điều lệ	336	336	336	336	336
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)